

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về việc giao UBND huyện quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp huyện quản lý

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 của HĐND huyện Thanh Trị về việc giao Ủy ban nhân dân huyện quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp huyện quản lý;

Căn cứ Kế hoạch số 139/KH-HĐND ngày 16/11/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về việc tổ chức kỳ họp thường lệ cuối năm 2022 HĐND huyện Thanh Trị Khóa XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026;

UBND huyện Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về việc giao UBND huyện quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp huyện quản lý, như sau:

1. Kết quả thực hiện

Tại Điều 1 Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 của Hội đồng nhân dân huyện: “Giao UBND huyện quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương quản lý có thời hạn: cụ thể từ ngày ban hành Nghị quyết đến ngày 31 tháng 12 năm 2022”.

Kết quả từ ngày 08/11/2021 đến ngày 30/11/2022, UBND huyện đã phê duyệt chủ trương đầu tư 41 dự án, với tổng mức đầu tư được phê duyệt là 87.315 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Năm 2022 triển khai thực hiện 21/23 công trình được phê duyệt chủ trương đầu tư, với tổng mức đầu tư 50.863 triệu đồng, đã quyết toán 17 công trình, 03 công trình hoàn thành đưa vào sử dụng, 01 công trình đang thi công khối lượng hoàn thành trên 45%.

- Năm 2023 phê duyệt chủ trương đầu tư 18 công trình, với tổng mức đầu tư 33.702 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

2. Đánh giá kết quả thực hiện

Việc giao UBND huyện quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp huyện quản lý giúp nâng cao tính chủ động, linh hoạt trong điều hành, đẩy nhanh tiến độ triển khai chuẩn bị thủ tục đầu tư đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định hiện hành, tạo điều kiện thuận lợi đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân vốn đầu tư công theo quy định. Từ hiệu quả nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện đề nghị Hội đồng nhân dân huyện thống nhất tiếp tục giao Ủy ban



nhân dân huyện quyết định chủ trương đầu tư dự án B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp huyện quản lý.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về việc giao UBND huyện quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp huyện quản lý./.

Nơi nhận: m

- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Đ/b HĐND huyện;
- Phòng TC-KH;
- Lưu VP (VT-NC).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thanh Chúc





PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số 309/BC-UBND ngày 06/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì)

STT	Tên dự án	Quy mô	Nhóm dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (đồng)	Số Quyết định	Ngày tháng năm	Ghi chú
Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện năm 2021 (từ nguồn kinh phí tiết kiệm chi năm 2020 chưa sử dụng chuyển nguồn sang năm 2021)					8.495.000.000			
1	Trường tiểu học Lâm Tân 1, xã Lâm Tân	Xây dựng mới 06 phòng học, hàng rào, sân đường, thoát nước, nhà vệ sinh, nhà xe,... và mua sắm thiết bị	C	Năm 2021-2022	4.650.000.000	09/QĐ-UBND	09/11/2021	
2	Trường tiểu học Hưng Lợi, thị trấn Hưng Lợi	Xây dựng mới 02 phòng học, hàng rào, sân đường, thoát nước, nhà vệ sinh, nhà xe đồng thời cải tạo khối phòng hiện trạng và mua sắm thiết bị	C	Năm 2021-2022	3.845.000.000	10/QĐ-UBND	09/11/2021	
Vốn cân đối ngân sách địa phương					57.062.000.000			
3	Lộ tuyến kênh KT13, từ tràn Văn Bảy đến hộ Nguyễn Thanh Hùng, thị trấn Phú Lộc	Dài khoảng 390m, rộng 2m. Tổng bề rộng nền đường= 3m; Mặt đường hoàn thiện bê tông cốt thép	C	Năm 2022	500.000.000	12/QĐ-UBND	09/11/2021	Chưa thực hiện đầu tư
4	Via hè khu vực ấp 3, thị trấn Phú Lộc	Dài khoảng 200m, rộng 0,5m. nền san lấp bằng cát còn: Via hè và hệ thống rãnh thoát nước bằng bê tông cốt thép	C	Năm 2022	900.000.000	12/QĐ-UBND	09/11/2021	

STT	Tên dự án	Quy mô	Nhóm dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (đồng)	Số Quyết định	Ngày tháng năm	Ghi chú
5	Nâng cấp hẻm 8, thị trấn Phú Lộc	Gồm 02 đoạn: Đoạn chính dài khoảng 420m, rộng 3,5m; Đoạn nhánh khoảng 120m, rộng 1,5m và rãnh thoát nước bằng bê tông cốt thép rộng 0,5m	C	Năm 2022	1.800.000.000	14/QĐ-UBND	09/11/2021	
6	Lộ Bào Cát – Quang Vinh (làm mới đoạn còn lại từ nhà ông Quang – nhà ông Luôn), thị trấn Hưng Lợi	Dài khoảng 1250m, rộng 3m. Phần xe chạy 3,0m; Tổng bề rộng nền đường= 5m; Mặt đường hoàn thiện bê tông cốt thép.	C	Năm 2022	2.250.000.000	15/QĐ-UBND	09/11/2021	
7	Đường lộ 13-23 (nối tiếp), xã Châu Hưng	Dài khoảng 1.000m, bề rộng mặt đường 2m và 2 cầu bê tông cốt thép, 1 cây cầu kênh nội đồng dài khoảng 6m, cầu kênh thủy lợi dài khoảng 8m, rộng 2m	C	Năm 2022	2.000.000.000	16/QĐ-UBND	09/11/2021	
8	Lộ nhà ông Đản – ông Ngoan – ông Ty, xã Vĩnh Thành	Gồm 2 đoạn: Đoạn 1 dài khoảng 500m, rộng 2m; Đoạn 2 dài khoảng 800m, rộng 3m. Mặt đường hoàn thiện bê tông cốt thép	C	Năm 2022	2.250.000.000	17/QĐ-UBND	09/11/2021	
9	Cầu Mây Dốc, xã Thạnh Trị	Tổng chiều dài 56m, mặt cầu rộng 3,5m, phần xe chạy 3,0m; Phần lan can: 2 x 0,25m= 0,5m; Tổng bề rộng mặt cầu = 3,5m; Mặt cầu hoàn thiện bê tông cốt thép.	C	Năm 2022	3.500.000.000	18/QĐ-UBND	09/11/2021	

STT	Tên dự án	Quy mô	Nhóm dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (đồng)	Số Quyết định	Ngày tháng năm	Ghi chú
10	Lộ Cầu Trắng – Lâm Trường, xã Thạnh Tân	Dài khoảng 380 rộng 3m; Vận tốc thiết kế 15Km/h trong đó: Quy mô mặt cắt ngang đường: Phần xe chạy: 3,0m, phần lề không gia cố: 2 x 1,0m = 2,0m; Tổng bề rộng nền đường=5m; Mặt đường hoàn thiện bê tông cốt thép.	C	Năm 2022	750.000.000	19/QĐ-UBND	09/11/2021	
11	Lộ kênh Ba Sơn nối tiếp, xã Thạnh Tân	Giai đoạn 1 dài khoảng 800m, bề rộng mặt đường 3m và 1 cầu bê tông cốt thép kênh thủy lợi dài khoảng 12m, rộng 3m	C	Năm 2022	2.250.000.000	20/QĐ-UBND	09/11/2021	Chưa thực hiện đầu tư
12	Cầu Lý Bươl (nối tiếp cầu chùa đến Sông Lớn), xã Thuận Tứ	Tổng chiều dài khoảng 39m, mặt cầu rộng 3,5m; Tải trọng thiết kế cầu 5 tấn. Trong đó: Quy mô mặt cắt ngang cầu: phần xe chạy 3,0m; Phần lan can: 2 x 0,25m= 0,5m; Tổng bề rộng mặt cầu = 3,5m; Mặt cầu hoàn thiện bê tông cốt thép.	C	Năm 2022	2.750.000.000	22/QĐ-UBND	09/11/2021	
13	Lộ Mương Điều (cầu 8 Ta – nhà ông Vọng), xã Lâm Tân	Dài khoảng 760m, rộng 3m và 01 cầu bê tông cốt thép dài khoảng 10m, rộng 3m. Quy mô mặt cắt ngang đường: phần xe chạy 3,0m; bề rộng nền đường = 5m; Mặt đường hoàn thiện bê tông cốt thép.	C	Năm 2022	2.250.000.000	23/QĐ-UBND	09/11/2021	

STT	Tên dự án	Quy mô	Nhóm dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (đồng)	Số Quyết định	Ngày tháng năm	Ghi chú
14	Lộ Kiệt Thắng – Kiệt Thống, xã Lâm Kiệt	Dài 1.180m, rộng 3m, phần xe chạy 3,0m; phần lề gia cố: 2x 1,0m = 2,0m. Tổng bề rộng nền đường = 5m; Mặt đường hoàn thiện bê tông cốt thép	C	Năm 2022	2.400.000.000	24/QĐ-UBND	09/11/2021	
	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Nàng Rền, Bào Lớn	Diện tích 55m ² /nhà	C	Năm 2022	825.000.000	11/QĐ-UBND	09/11/2021	
	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp 3, Rẫy Mới, Công Điền	Diện tích 55m ² /nhà	C	Năm 2022	1.075.000.000	28/QĐ-UBND	09/11/2021	
15	Nâng cấp đường dẫn từ Quốc lộ 1A vào công viên, thị trấn Phú Lộc	Chiều dài tuyến đường dự kiến là 105m; Quy mô mặt cắt ngang đường (4,4+4,5+1,4)m = 10,3m; Các hạng mục xây dựng gồm: Thảm lại mặt đường, Xây dựng bó vỉa 2 bên tuyến, làm mới vỉa hè phía công viên, hệ thống cống dọc và nâng thành hồ ga.	C	Năm 2022	860.000.000	05/QĐ-UBND	10/6/2022	
16	Nâng cấp sửa chữa Nhà văn hóa ấp, nhà sinh hoạt cộng đồng ấp: - Nhà SHCĐ ấp Trung Thống - Nhà SHCĐ ấp Trung Thành	04 nhà	C	Năm 2023	800.000.000	.../QĐ-UBND	.../11/2022	

STT	Tên dự án	Quy mô	Nhóm dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (đồng)	Số Quyết định	Ngày tháng năm	Ghi chú
	- Nhà SHCD ấp Tân Định - Nhà SHCD ấp Trung Bình							
17	Lộ cầu Bào Lớn (phía bên sông)	Dài khoảng 1050m, bề rộng mặt đường 2m gồm 3 cầu trên tuyến: Cầu kênh Ba Luỹ dài khoảng 10m, Cầu nội đồng 1 dài khoảng 12m, cầu nội đồng 1 dài khoảng 12m mỗi cầu rộng 2,2m	C	2023-2024	1.800.000.000	.../QĐ-UBND	.../11/2022	
18	Xây dựng cầu bê tông tuyến kênh Thạnh Điền - Bào Lớn (thay cầu treo)	Dài khoảng 39m, bề rộng mặt cầu 3,5m	C	2023	2.100.000.000	.../QĐ-UBND	.../11/2022	
19	Lộ kênh Ba Sơn nối tiếp	Dài khoảng 1400m, bề rộng mặt đường 3m	C	2023	2.250.000.000	.../QĐ-UBND	.../11/2022	
20	Làm bờ kè và nâng cấp lán sân chợ Tuân Tứ	Tổng chiều dài 65m, bề rộng 4.0 – 5.0m và hạng mục lán sân đường khoảng 200m ²	C	2023	1.000.000.000	.../QĐ-UBND	.../11/2022	
21	Cầu 10 Trọc ấp 15	Dài khoảng 21m, bề rộng mặt cầu 3,5m	C	2023	1.155.000.000	.../QĐ-UBND	.../11/2022	
22	Lộ Kênh Mướp Lớn	Dài khoảng 1195m, bề rộng mặt đường 3m	C	2023	1.870.000.000	.../QĐ-UBND	.../11/2022	

STT	Tên dự án	Quy mô	Nhóm dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (đồng)	Số Quyết định	Ngày tháng năm	Ghi chú
23	Nâng cấp đường, vỉa hè xung quanh công viên cũ	Nâng cấp đường nhựa rộng 3,5, nâng cấp đường bê tông 708m ² , lát gạch vỉa hè xung quanh công viên cũ khoảng 370m ² , xây mới rãnh thoát nước dài khoảng 43m	C	2023	700.000.000/QĐ-UBND/11/2022	
24	Lộ từ cầu áp 23, Vĩnh Thắng - trường Tiểu học Vĩnh Thắng	Dài khoảng 1870m, bề rộng mặt đường 3m gồm 3 cầu trên tuyến: Cầu kênh Hai Mai dài khoảng 12m, Cầu kênh Thanh Trị dài khoảng 27m, cầu kênh Cây Kè dài khoảng 24m mỗi cầu rộng 3,5m	C	2023-2024	5.510.000.000/QĐ-UBND/11/2022	
25	Lộ Kinh Ngay 2 - Xóm Tro 2 - Quang Vinh	Đầu tư giai đoạn 1 dài khoảng 2.796m, bề rộng mặt đường 3m gồm 3 cầu trên tuyến: Cầu số 1 (Cầu Kinh Ngay) dài khoảng 30m, Cầu số 2 (cầu Kênh Công) dài khoảng 18m, cầu số 3 dài khoảng 12m mỗi cầu rộng 3m và 1 công bê tông DUL ngang đường dài 8m, đường kính 1m	C	2023-2024	6.840.000.000/QĐ-UBND/11/2022	
26	Cầu Tà Niên	Dài khoảng 24m, bề rộng mặt cầu 3,5m	C	2023	900.000.000/QĐ-UBND/11/2022	
27	Cầu kênh Nhỏ	Đầu tư 2 cầu: Cầu số 1 và Cầu số 2 bằng bê tông cốt thép cầu dài 5m, khổ cầu 4,0m	C	2023	477.000.000/QĐ-UBND/11/2022	

STT	Tên dự án	Quy mô	Nhóm dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (đồng)	Số Quyết định	Ngày tháng năm	Ghi chú
28	Nâng cấp khu C	Nâng cấp, cải tạo khối A, B, C, D, trong khu C	C	2023	2.100.000.000	.../QĐ-UBND	.../11/2022	
29	Nâng cấp, cải tạo Hội trường Ban thường vụ Huyện ủy và Ban tổ chức Huyện ủy	Cải tạo Hội trường 1 diện tích 373m ² , Ban tổ chức diện tích 173m ² , sân đường bê tông diện tích 91m ²	C	2023	1.000.000.000	.../QĐ-UBND	.../11/2022	
30	Nâng cấp sân, đường, thoát nước khu A, B trụ sở UBND huyện	Cải tạo hệ thống thoát nước 107m và sân đường 1340m ²	C	2023	1.100.000.000	.../QĐ-UBND	.../11/2022	
31	Nâng cấp Sân, đường, thoát nước trụ sở Huyện ủy	Lát gạch sân đường 1853m ² , cải tạo hệ thống thoát nước 91m và sân đường 961m ²	C	2023	1.100.000.000	.../QĐ-UBND	.../11/2022	
Thu tiền sử dụng đất					5.500.000.000			
32	Lộ cầu Chùa đến Sông Lớn (nối tiếp), xã Tuân Tức	Dài khoảng 1.030m, rộng 2m; Phần xe chạy: 2,0m, phần lề gia cố: 2 x 0,5m = 1,0m; Tổng bề rộng nền đường=3m; Mặt đường hoàn thiện bê tông cốt thép	C	Năm 2022	1.400.000.000	21/QĐ-UBND	09/11/2021	

STT	Tên dự án	Quy mô	Nhóm dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (đồng)	Số Quyết định	Ngày tháng năm	Ghi chú
33	Cầu lộ 14/9 (bên sông)	Cầu kênh 5 Định dài khoảng 27m, mặt cầu rộng 2,5m và hạng mục cầu kênh 8 Do dài 21m, rộng 2,5m	C	Năm 2022	1.100.000.000	35/QĐ-UBND	09/11/2021	
34	Bờ kè xã Vĩnh Thành	Tổng chiều dài 125.6m. bề rộng 4.0 – 5.0m	C	Năm 2023	1.000.000.000	.../QĐ-UBND	.../11/2022	
35	Nâng cấp Đường 30/4 và cải tạo một số tuyến đường chợ thị trấn Phú Lộc	: Nâng cấp đường nhựa dài 460m, rộng 6.0m bằng bê tông nhựa nóng	C	Năm 2023	2.000.000.000	.../QĐ-UBND	.../11/2022	
Vốn kết dư ngân sách và Vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới					7.398.000.000			Vốn kết dư ngân sách 50.000.000 đồng và Vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 7.348.000.000 đồng
36	Nâng cấp, mở rộng lộ Trung Thống – Tân Định, xã Tuân Tứ	Dài khoảng 3.839m, rộng 3,5m trên tuyến có 1 cầu rộng 4m: phần xe chạy 3,5m; Tổng bề rộng nền đường = 6,5m; Mặt đường hoàn thiện bê tông cốt thép. Bề rộng mặt cầu: phần xe chạy 3,5m; lan can 0,25m x 2 = 0,5m; Tổng bề rộng cầu 4,0m	C	Năm 2022	7.398.000.000	26/QĐ-UBND	09/11/2021	

STT	Tên dự án	Quy mô	Nhóm dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (đồng)	Số Quyết định	Ngày tháng năm	Ghi chú
Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Vốn cân đối ngân sách địa phương					3.584.000.000			
37	Lộ Trung Hòa – Trung Thống, xã Tuấn Tứ	Dài khoảng 1.930m rộng 3m; Vận tốc thiết kế 15Km/h trong đó: Quy mô mặt cắt ngang đường: Phần xe chạy: 3,0m, phần lề không gia cố: 2 x 1,0m = 2,0m; Tổng bề rộng nền đường=5m; Mặt đường hoàn thiện bê tông cốt thép	C	Năm 2022	3.584.000.000	27/QĐ-UBND	09/11/2021	
Vốn kết dư ngân sách					3.675.000.000			
38	Xây dựng cổng chào xã Tuấn Tứ	Rộng 5,5m, cao 5m, khung chịu lực chính BTCT	C	Năm 2022	675.000.000	38/QĐ-UBND	26/11/2021	
39	Lộ từ cổng Bung Coi đến giáp Lâm Tân, xã Lâm Kiệt	Chiều dài tuyến khoảng 1.467m, mặt đường rộng 3m, lề (2x0,5)m tổng nền đường 4m. Kết cấu bê tông cốt thép	C	Năm 2022	3.000.000.000	03/QĐ-UBND	26/1/2022	
Vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2020 từ kết dư năm 2019 (thu tiền sử dụng đất từ năm 2017 trở về trước).					601.000.000			

STT	Tên dự án	Quy mô	Nhóm dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (đồng)	Số Quyết định	Ngày tháng năm	Ghi chú
40	Nâng cấp sân đường trụ sở UBND thị trấn Phú Lộc và cải tạo trụ sở Ngân hàng chính sách xã hội cũ, thị trấn Phú Lộc	Nâng cấp sân đường trụ sở UBND TT Phú Lộc: đổ bê tông diện tích 197 m ² . Lát gạch Ceramic nhám 400x400mm diện tích 719 m ² . Lát nền ram dốc bằng gạch Granit nhân tạo; Cải tạo trụ sở ngân hàng chính sách xã hội cũ: khối nhà làm việc chính, khu vệ sinh, sân, hàng rào, khối nhà công vụ, để xe.	C	Năm 2022	601.000.000	04/QĐ-UBND	26/1/2022	
Vốn cân đối ngân sách địa phương và thu tiền sử dụng đất					1.000.000.000			
41	Nâng cấp đường Trần Phú, thị trấn Phú Lộc	Chiều dài tuyến đường dự kiến là 145m; Quy mô mặt cắt ngang đường (5,0+4,0+5,0)m =14m; Các hạng mục xây dựng gồm: Thâm lại mặt đường, Xây dựng bó vỉa 2 bên tuyến, làm mới vỉa hè, nạo vét hệ thống cống dọc và nâng thành hố ga	C	Năm 2022	1.000.000.000	06/QĐ-UBND	10/6/2022	
Tổng cộng					87.315.000.000			